

BIÊN BẢN

Họp Ban giám hiệu mở rộng “Thống nhất về các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục, các khoản thỏa thuận và vận động tài trợ theo thông tư 16/2018 năm học 2025-2026

I. THỜI GIAN - ĐỊA ĐIỂM

1. Thời gian: 14 giờ 00 phút, ngày 18/08/2025

2. Địa điểm: Tại Phòng hội đồng trường mầm non Việt Hồng.

II. THÀNH PHẦN

1. Đại biểu mời

- Đại diện chính quyền địa phương:

- Đại diện Phòng VH-XH:

- Ban đại diện Phụ huynh học sinh:

Ông: Mã Quang Vui - Trưởng ban đại diện CMHS nhà trường

Ông: Hoàng Văn Luyện - Phó trưởng ban đại diện CMHS trường

Bà: Mai Thị Miên - Phó trưởng ban đại diện CMHS trường

Cùng các ông, bà đại diện Ban đại diện CMHS 8/8 nhóm, lớp

2. Trường MN Việt Hồng

Bà: Lê Thị Mai Phương - Hiệu trưởng - Chủ tọa

Bà: Hoàng Thị Chung - Phó hiệu trưởng - Thành viên

Bà: Hoàng Thị Thuyết - Phó hiệu trưởng - Thành viên

Bà: Phùng Thị Điệp - TT tổ mẫu giáo - Thành viên

Bà: Nguyễn Thị Hải - TT tổ Nhà trẻ - Thành viên

Bà: Hoàng Thu Trang - Giáo viên - Thư ký

Ông: Hoàng Văn Trung - Kế toán

Cùng đại diện GVCN 8/8 nhóm, lớp

III. NỘI DUNG

Bà Lê Thị Mai Phương - Triển khai các nội dung

1. Thông qua các văn bản chỉ đạo của cấp trên

Thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT ngày 03/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về tài trợ cho các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Thông qua Nghị quyết số 33/2021/NQ-HĐND, ngày 16/7/2021 của HĐND tỉnh Hà Giang Nghị quyết quy định mức thu, các khoản thu dịch vụ, phục vụ, hỗ trợ các hoạt động giáo dục trong các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Hà Giang;

Hướng dẫn số 1767/HD-UBND, ngày 25/8/2021 của UBND tỉnh Hà Giang hướng dẫn thực hiện Nghị quyết số 33/2021/NQ-HĐND, ngày 16/7/2021 của HĐND tỉnh Hà Giang Nghị quyết quy định mức thu, các khoản thu dịch vụ, phục vụ, hỗ trợ các hoạt động giáo dục trong các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Hà Giang;

Thông qua biên bản rà soát hiện trạng cơ sở vật chất, nhu cầu của nhà trường đề xuất vận động tài trợ năm học 2025-2026 theo thông tư 16/2018/TT-BGDĐT.

Triển khai dự toán thu các khoản dịch vụ phục vụ, hoạt động Giáo dục năm học 2025-2026;

Triển khai dự thảo Kế hoạch vận động tài trợ theo thông tư 16 năm học 2025-2026;

2. Triển khai các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ HĐGD theo NQ 33/2021, kêu gọi vận động tài trợ theo thông tư 16 và khoản thu phục vụ trực tiếp cho người học theo hình thức thỏa thuận.

2.1. Khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ HĐGD theo NQ 33/2021

2.1.1. Về dịch vụ tuyển sinh: Thực hiện theo NQ 33/2021 mức thu từ 25.000^d - 45.000^d/1 học sinh tuyển mới.

Xét tuyển vào lớp đầu cấp: Dự kiến thu 40.000^d/1 trẻ (*có kế hoạch tuyển sinh riêng*).

- Cơ chế thu: Thu theo đợt xét tuyển trong năm học (Đầu năm học).
- Thời gian thu: Thời điểm nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển.
- Cơ chế sử dụng: Trích 85% kinh phí thu được chi cho Hội đồng xét tuyển nhà trường; 15% kinh phí chi cho Hội đồng xét tuyển Sở GD&ĐT.

2.1.2. Dịch vụ phục vụ

a. Tiền ăn

- Đối tượng áp dụng: Học sinh đang học tập tại trường không tính học sinh được miễn giảm theo quy định.
- Cơ chế thu: Thu theo tuần học, tháng học.

- Thời gian thu: Thu vào đầu tuần, đầu tháng (Đến cuối tháng học sinh ăn không hết thì phần kinh phí đó sẽ được chuyển vào tháng tiếp theo; cuối năm học nếu học sinh ăn không hết thì nhà trường hoàn trả cho học sinh).

- Mức thu: 15.000^d/trẻ/ngày. Theo tình hình thực tế giá cả thị trường và theo thỏa thuận với phụ huynh (*Theo Nghị quyết mức tối thiểu 12.000^d/ngày, mức tối đa 25.000^d/ngày*)

- Cơ chế sử dụng: Chi 100% cho bữa ăn chính và bữa ăn phụ theo thỏa thuận.

b. Tiền thuê cấp dưỡng

- Đối tượng áp dụng: Học sinh ăn bán trú tại trường không tính học sinh được miễn giảm theo quy định.

- Cơ chế thu: Thu theo tháng thực học (đảm bảo nguyên tắc thu đủ bù chi).

- Thời gian thu: Thu vào đầu tháng.

- Mức thu: 80.000^d/trẻ/tháng (*Theo Nghị quyết mức tối thiểu 80.000^d/tháng, mức tối đa 100.000^d/tháng*)

- Cơ chế sử dụng: Chi 80% cho người trực tiếp làm nhiệm vụ cấp dưỡng; 20% chi công tác quản lý, phục vụ

c. Tiền quản lý học sinh ăn, ở bán trú

- Đối tượng áp dụng: Học sinh ăn bán trú tại trường. Không tính học sinh được miễn giảm theo quy định.

- Cơ chế thu: Thu theo số ngày thực học.

- Thời gian thu: Thu vào đầu tháng.

- Mức thu: 5.000^d/trẻ/ngày (*Theo Nghị quyết mức tối thiểu 4.000^d/ngày, mức tối đa 5.000^d/ngày*)

- Cơ chế sử dụng: Chi 70% cho người trực tiếp chăm sóc học sinh, 10% cho công tác quản lý, phục vụ; 10% cho việc bảo trì cơ sở vật chất; 10% cho đơn vị thực hiện nguồn tăng thu nhập.

d. Tiền mua đồ dùng bán trú

- Đối tượng áp dụng: Học sinh ăn bán trú tại trường không tính học sinh được miễn giảm theo quy định.

- Cơ chế thu: Thu theo năm học.

- Thời gian thu: Thu vào đầu năm.

- Mức thu: Trẻ mới: 150.000^d = trẻ/năm

Trẻ cũ: 100.000^d trẻ/năm

(Theo Nghị quyết Học sinh cũ: mức tối thiểu 70.000^d/tháng, mức tối đa 100.000^d/tháng. Học sinh mới: mức tối thiểu 150.000^d/tháng, mức tối đa 200.000^d/tháng).

- Cơ chế sử dụng: Chi mua sắm mới, mua bổ sung do hao mòn các vật dụng phục vụ bán trú.

e. Nước uống cho học sinh và vệ sinh trường học

*** Nước uống cho học sinh**

- Đối tượng áp dụng: Học sinh đang học tập tại trường. Không tính học sinh được miễn giảm theo quy định.

- Cơ chế thu: Thu theo năm học.

- Thời gian thu: Thu vào đầu năm học.

- Mức thu: 36.000^d/trẻ/năm học (Theo Nghị quyết mức tối thiểu 3.000^d, mức tối đa 7.000^d).

- Cơ chế sử dụng: Chi mua sắm trang thiết bị phục vụ, công tác bảo dưỡng sửa chữa trang thiết bị.

*** Vệ sinh trường học**

- Đối tượng áp dụng: Học sinh đang học tập tại trường. Không tính học sinh được miễn giảm theo quy định.

- Cơ chế thu: Thu theo năm học.

- Thời gian thu: Thu vào đầu tháng học.

- Mức thu: 10.000^d/học sinh/tháng (Theo Nghị quyết mức tối thiểu 8.000^d, mức tối đa 10.000^d)

- Cơ chế sử dụng: Chi trả thù lao cho người lao động vệ sinh nhà trường theo thỏa thuận hợp đồng (bao gồm vệ sinh khuôn viên nhà trường, lớp học, nhà vệ sinh,...); chi trả mua sắm các vật tư, thiết bị phục vụ công tác vệ sinh (chổi, xô, thùng đựng rác, dung dịch sát khuẩn, tẩy rửa, giấy vệ sinh, xà phòng,...).

f. Tiền điện vận hành và bảo dưỡng thiết bị

- Đối tượng áp dụng: Học sinh đang học tập tại trường. Không tính học sinh được miễn giảm theo quy định.

- Cơ chế thu: Thu theo năm học.

- Thời gian thu: Thu vào đầu tháng học.

- Mức thu dự kiến: 5.000^d-10.000^d/học sinh/tháng (Theo Nghị quyết thu theo tình hình thực tế trên cơ sở thỏa thuận và thống nhất với cha mẹ học sinh)

- Cơ chế sử dụng: 100% kinh phí thu của học sinh chi trả cho việc sửa chữa, bảo dưỡng các thiết bị.

2.1.3. Dịch vụ hỗ trợ

* Dạy tăng cường ngoại ngữ cho trẻ 3, 4, 5 tuổi

- Đối tượng áp dụng: Học sinh 3,4,5 tuổi đang theo học tại trường (có kế hoạch dạy tăng cường tiếng Anh riêng).

- Cơ chế thu: Thu theo tiết học.

- Thời gian thu: Thu theo lịch học trước 1 ngày.

- Mức thu: 8.000đ/học sinh/tiết (Theo Nghị quyết mức tối thiểu 7.000đ, mức tối đa 8.000đ)

- Cơ chế sử dụng: Chi 67% kinh phí cho người trực tiếp giảng dạy; 13% cho công tác quản lý, phục vụ; 10% cho công tác bảo trì cơ sở vật chất; 8% cho đơn vị thực hiện nguồn tăng thu nhập; 2% nộp thuế thu nhập doanh nghiệp.

* Hoạt động trải nghiệm

- Đối tượng áp dụng: Học sinh đang theo học tại trường

- Cơ chế thu: Thu theo đợt.

- Thời gian thu: Thu theo kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm từng đợt.

- Mức thu: Tùy theo tình hình thực tế tổ chức các hoạt động trải nghiệm.

- Cơ chế sử dụng: Chi 90% kinh phí thu được của học sinh cho hoạt động trải nghiệm. Chi 10% cho công tác quản lý, phục vụ.

2.1.4. Đối tượng miễn giảm

- Học sinh thuộc hộ nghèo;

- Học sinh thuộc hộ cận nghèo; Học sinh khuyết tật; Học sinh có hộ khẩu thuộc vùng KT-XH đặc biệt khó khăn; Học sinh dân tộc thiểu số rất ít người và một số chế độ chính sách khác.

2.1.5. Dịch vụ khác

* Gửi trẻ ngoài giờ chính khóa, ngày thứ bảy, ngày chủ nhật hoặc trong thời gian nghỉ hè (Theo nhu cầu và thỏa thuận của PHHS)

* Dạy cho trẻ làm quen với ngoại ngữ và tổ chức các lớp năng khiếu, nghệ thuật cho trẻ tại trường (Thỏa thuận của PHHS)

* Tham gia HĐ trải nghiệm. (Thỏa thuận của CMHS về mức thu).

- Đối tượng áp dụng: Học sinh tham gia trải nghiệm.

- Cơ chế thu: Thu theo từng đợt trải nghiệm.

- Thời gian thu: Thu theo từng đợt trải nghiệm.

JNG
TRU
ÂM N
T HỒ
E

- Mức thu: 15.000^d/học sinh - 30.000^d (tùy từng đợt)
- Cơ chế sử dụng: Chi 90% kinh phí cho hoạt động trải nghiệm ; 10% chi công tác quản lý, phục vụ.

2.2. Nguồn vận động tài trợ theo thông tư 16/2018

Thực hiện Thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT ngày 03/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về tài trợ cho các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

a. Tài trợ trang bị thiết bị sinh hoạt, đồ dùng phục vụ dạy và học

- Trang thiết bị đồ dùng tối thiểu, dùng chung của nhóm, lớp: Bàn ghế học sinh: 30 bộ x 800.000^d = 24.000.000^d.

Tổng dự toán: 24.000.000^d (Hai mươi tư triệu đồng chẵn)

b. Cải tạo, sửa chữa, xây dựng các hạng mục công trình phục vụ hoạt động giáo dục

- Chỉnh trang lại các khu hoạt động, vui chơi quanh trường, tường bao, sơn lại khu giao thông, sân thể thao... 9.200.000^d.
- Sơn sửa lại các con vật vườn cổ tích và đồ chơi ngoài trời 9.500.000^d
- Đổ sân bê tông khu vui chơi ngoài trời điềm Việt Hà 9.040.000^d.

Tổng dự toán: 27.740.000^d (Hai mươi bảy triệu bảy trăm bốn mươi nghìn đồng)

c. Hỗ trợ hoạt động giáo dục: Khen thưởng học sinh có thành tích xuất sắc trong học tập và các phong trào thi đua, khen thưởng học sinh cuối năm học 4.830.000^d

Tổng dự toán: 4.830.000^d (Bốn triệu tám trăm ba mươi nghìn đồng)

(Có dự toán kinh phí chi tiết kèm theo)

Tổng kinh phí a + b + c: 61.400.000^d (Sáu mươi một triệu bốn trăm nghìn đồng)

2.3. Khoản thu phục vụ trực tiếp cho người học theo hình thức thỏa thuận. (Theo văn bản số 1412/SGDĐT-KHTC ngày 29 tháng 8 năm 2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc thực hiện các khoản thu, chi và chấn chỉnh các khoản thu đầu năm đối với các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh năm học 2023-2024): Chặt đót

- Đối tượng áp dụng: Học sinh đang học tập và ăn bán trú tại trường. Không tính học sinh được miễn giảm theo quy định.
- Cơ chế thu: Thu theo tháng.
- Thời gian thu: Thu vào đầu năm học.

- Mức thu: 10.000đ/trẻ/tháng. (Theo tình hình thực tế giá cả thị trường và theo thỏa thuận với phụ huynh)

- Cơ chế sử dụng: Chi mua bình ga phục vụ công tác bán trú của học sinh.

III. THẢO LUẬN

1. Ý kiến của Ông Mã Quang Vui - Trưởng ban đại diện CMHS

Nhất trí về các khoản thu dịch vụ phục vụ theo nghị quyết 33/2021 và nhất trí dự toán kế hoạch vận động tài trợ Theo TT 16.

Để đáp ứng nhu cầu học tập ngày càng cao của các đơn vị trường học, để xây dựng trường học xanh - sạch - đẹp - an toàn - thân thiện, hỗ trợ tu sửa cơ sở vật chất nhà trường tôi hoàn toàn nhất trí với kế hoạch vận động tài trợ theo TT16 và kế hoạch thu các khoản dịch vụ phục vụ, hỗ trợ giáo dục theo NQ 33 của nhà trường, dự toán nhà trường đưa ra sát với tình hình thực tế theo biên bản rà soát cơ sở vật chất đầu năm học. Tôi kêu gọi các bậc phụ huynh hãy cùng chung tay với nhà trường để giúp hỗ trợ mua sắm, sửa chữa cơ sở vật chất tạo môi trường giáo dục tốt nhất cho con cháu mình.

2. Ý kiến ông Hoàng Đình Quang - Ban đại diện ban phụ huynh nhà trường

Nhà trường công khai, minh bạch, quyết toán tài chính, các khoản thu, chi năm học 2024-2025 rất chi tiết, rõ ràng, tôi hoàn toàn nhất trí và tôi cũng nhất trí với các khoản thu theo Nghị quyết 33 và Thông tư 16 mà nhà trường đề xuất.

Để xây dựng nhà trường ngày càng phát triển, có môi trường học tập tốt thì kinh phí của nhà trường cũng không thể đáp ứng đủ nhu cầu với thực tế hiện tại vì vậy sự chung tay, hỗ trợ, ủng hộ các cá nhân là rất cần thiết và tôi thấy những nội dung nhà trường đưa ra rất thực tế.

Nhất trí với nhà trường về việc tu sửa cơ sở vật chất, các khu hoạt động để đảm bảo môi trường học tập cho các cháu trong các lĩnh vực hoạt động chung của trẻ.

3. Ý kiến của Đ/c Hoàng Thị Thuyết, Phó hiệu trưởng: Tất cả các chế độ chính sách của trẻ mẫu giáo mong phụ huynh lưu ý nộp hồ sơ đúng theo quy định. Tất cả hồ sơ minh chứng có công chứng.

4. Ý kiến của bà Hoàng Thị Duyên: Nhất trí với dự thảo các khoản thu của nhà trường. Các khoản thu theo NQ 33 vẫn như năm học trước, vận động tài trợ theo TT 16 hoàn toàn hợp lý. Các bậc phụ huynh chung tay cùng nhà trường xây dựng cảnh quan môi trường xanh sạch đẹp an toàn thân thiện theo chủ đề năm học.

5. Ý kiến của bà Mai Thị Miên: Tôi hoàn toàn nhất trí với các nội dung trong kế hoạch đề xuất của nhà trường. Các khoản thu nộp tham gia đóng góp đầy đủ. Nhất trí nội dung thông qua thông tư 16/2018 về vận động tài trợ.

6. Kết luận của Đ/c chủ tọa



Qua ý kiến thảo luận của các thành viên tham dự đa số mọi người đều thông nhất và Nhất trí với các nội dung trong Kế hoạch dự kiến thu các khoản thu dịch vụ, phục vụ và hỗ trợ các hoạt động giáo dục theo NQ 33 và kế hoạch dự kiến tu sửa CSVC, vận động tài trợ theo Thông tư 16/2018. Nhà trường xây dựng dự kiến.

Trong quá trình tổ chức thực hiện Kế hoạch, nếu có vấn đề vướng mắc đề nghị các ban, tổ, khối báo cáo kịp thời về Hội đồng trường để được giải quyết.

Biên bản đã được thông qua không có ý kiến nào khác biểu quyết nhất trí 100%. Biên bản được thành lập thành 02 bản có giá trị như nhau, các thành viên tham gia dự họp cùng thống nhất và ký vào biên bản. Buổi họp kết thúc là 17 giờ cùng ngày./.

CHỦ TỌA

Hiệu trưởng
Lê Thị Mai Phương

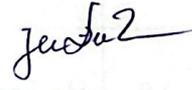
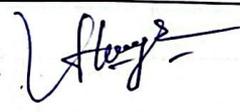
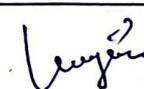
THƯ KÝ



Hoàng Thu Trang

DANH SÁCH CÁC THÀNH VIÊN THAM DỰ CUỘC HỌP

(Kèm theo Biên bản họp mở rộng giữa nhà trường với Ban đại diện cha mẹ học sinh "Thông nhất về các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục, các khoản thỏa thuận và vận động tài trợ theo thông tư 16/2018 năm học 2024-2025, ngày 26/8/2024)

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ký Tên
1	Bà Hoàng Thị Chung	Phó hiệu trưởng	
2	Bà Hoàng Thị Thuyết	Phó hiệu trưởng	
3	Bà Phùng Thị Điệp	Tổ trưởng tổ mẫu giáo, GVCN lớp 5-6 tuổi trường chính	
4	Bà Nguyễn Thị Hải	Tổ trưởng tổ nhà trẻ, GVCN nhóm trẻ 24-26 tháng Việt Hà	
5	Bà Nguyễn Thị Thuý	Tổ phó tổ mẫu giáo, GVCN lớp 5-6 tuổi Việt Hà	
6	Bà Lại Thị Lý	Tổ phó tổ nhà trẻ, GVCN nhóm trẻ 24-36 tháng trường chính	
7	Bà Hoàng Thị Huệ	GVCN lớp 3-4 tuổi trường chính	
8	Bà Bàn Thị Tâm	GVCN lớp 4-5 tuổi trường chính	
9	Bà Trần Thị Phương Thanh	GCCN lớp 3-4 tuổi Việt Hà	
10	Bà Ma Thị Khôi	GVCN 4-5 tuổi Việt Hà	
11	Ông Hoàng Văn Trung	Kế toán	
12	Ông Mã Quang Vui	Trưởng ban đại diện CMHS trường, trưởng ban đại diện CMHS Trường chính	
13	Ông Hoàng Văn Luyện	Phó ban đại diện CMHS trường, Trưởng ban đại diện CMHS điểm Việt Hà	

14	Bà Mai Thị Miên	Phó trưởng ban đại diện CMHS trường, Phó Trưởng ban đại diện CMHS trường chính	Miên
15	Bà Hoàng Thị Duyên	Phó ban đại diện CMHS trường chính	Duyên
16	Bà Bàn Thị Hải	Phó ban đại diện CMHS trường chính	Hải
17	Bà Tân Thị Hoa	Phó ban đại diện CMHS điểm Việt Hà	Hoa
18	Bà Lý Thị Châu	Thành viên ban đại diện CMHS điểm Việt Hà	Châu
19	Bà Tân Thị Hồng	Thành viên Ban đại diện CMHS Việt Hà	Hồng

(Danh sách ấn định 19 người)

DỰ TOÁN KINH PHÍ NHU CẦU CÀN VẬN ĐỘNG TÀI TRỢ

Năm học 2025-2026

(Kèm theo Kế hoạch số 41/KH-MNVH ngày 12/9/2025 của trường Mầm non Việt Hồng)

TT	Nội dung sửa chữa		Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đv: đồng)	Thành tiền (Đv: đồng)	Ghi chú
I	MUA TRANG THIẾT BỊ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC						
1	Bàn ghế gỗ	Bộ bàn ghế gỗ cho Học sinh	Bộ	30	800.000	24.000.000	
Tổng Mục I:						24.000.000	
II.	CẢI TẠO, SỬA CHỮA, XÂY DỰNG CÁC HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG PHỤC VỤ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC						
1	Đổ sân bê tông khu vui chơi ngoài trời (điểm Việt Hà) 100m ²	Xi măng	Tạ	12	170.000	2.040.000	
		Cát	Khối	2,5	400.000	1.000.000	
		Đá 1-2	M3	2,5	400.000	1.000.000	
		Công thợ trộn + đổ bê tông	M2	100	50.000	5.000.000	
		Cộng:					9.040.000
2	Sơn sân thể thao + mô hình giao thông + sân khu vui chơi	Công sơn	m ²	155	40.000	6.200.000	
		Sơn	Thùng	6	500.000	3.000.000	
		Cộng:				9.200.000	
3	Đánh giáp, sơn đồ chơi ngoài trời, các con vật vườn cổ tích	Công đánh giáp, sơn	Công	15	300.000	4.500.000	
		Sơn	Thùng	10	500.000	5.000.000	
		Cộng:				9.500.000	
Tổng Mục II:						27.740.000	
III	HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC						
1	Khen thưởng học sinh có thành tích xuất sắc trong học tập và các phong trào thi đua, khen thưởng học sinh cuối năm học.		Học sinh	161	30.000	4.830.000	
Tổng Mục III:						4.830.000	
Tổng kinh phí dự kiến vận động tài trợ (Mục I+II+III)						61.400.000	
<i>(Bằng chữ: Sáu mươi một triệu bốn trăm nghìn đồng)</i>							

Thủ trưởng đơn vị